

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/DS-ST

Ngày: 24/9/2021

V/v tranh chấp hợp đồng
gia công

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Trường Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Bé Hai**
2. Bà **Võ Thị Diệp**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đào Kim Xoa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng gia công” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh **Nguyễn Hoàng H**, sinh năm 1984,
Địa chỉ: Ấp 12, xã VT, huyện VT1, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Anh **Trần Văn Đ** - sinh năm 1985,
Địa chỉ: Đường Hùng Vương, phường 5, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang
(anh Đ vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Thanh N** - sinh năm 1993,
Bà **Nguyễn Thị M**,

Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã PT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh N và bà M vắng mặt, anh N có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Nguyên đơn** anh **Nguyễn Hoàng H** ủy quyền cho anh **Trần Văn Đ** trình bày như sau:

Vào ngày 21/7/2020, giữa anh **Nguyễn Hoàng H** và anh **Nguyễn Thanh N** có xác lập hợp đồng gia công một chiếc phà sắt. Đến ngày 31/10/2020, hai bên tiến hành ký hợp đồng gia công phà, hai bên thỏa thuận gia công theo quy cách

và kết cấu như đã ghi trong hợp đồng với tổng số tiền là 217.000.000 đồng, bao gồm tiền vật tư và tiền công. Anh N cam kết thời gian giao phà vào ngày 30/11/2020.

Ngoài ra, anh H đã đưa thêm cho anh N số tiền là 23.000.000 đồng (hai mươi ba triệu đồng) để gia công thêm thiết bị của chiếc phà, tổng số tiền mà anh H đã thanh toán cho anh N là 240.000.000 đồng.

Ngày 03/11/2020, anh N hứa sẽ chuyển trả lại cho anh H 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) do không thể gia công thêm thiết bị mà anh H đã yêu cầu nhưng đến nay anh N vẫn chưa chuyển trả số tiền này lại cho anh H.

Mặc dù theo thỏa thuận ngày 30/11/2020 là thời hạn giao phà nhưng anh N không giao phà cho anh H. Anh H đã nhiều lần liên lạc và nhắc nhở, hỏi thúc nhưng phía anh N vẫn không thực hiện nghĩa vụ giao phà cho anh H. Việc anh N giao phà trễ hẹn đã gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh H rất nhiều.

Bà Nguyễn Thị M là mẹ ruột của anh N đã đứng ra bảo lãnh cho anh N, nay anh N không thực hiện đúng hợp đồng nên bà M phải liên đới bồi thường thiệt hại mà anh N đã gây ra cho anh H.

Theo đơn khởi kiện của anh H, lời trình bày của người đại diện hợp pháp của anh H tại Tòa án đã yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau đây:

1. Hủy hợp đồng gia công phà đề ngày 31/10/2020 giữa bên gia công Nguyễn Hoàng H và bên nhận gia công anh Nguyễn Thanh N.

2. Buộc bị đơn phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng) mà anh H đã thanh toán trước đó cho anh N.

3. Buộc bị đơn phải liên đới bồi thường số tiền do chậm thực hiện nghĩa vụ giao hàng tính từ ngày 30/11/2020 (ngày cam kết giao phà) đến khi xét xử vụ án, cụ thể mức bồi thường là 7.000.000 đồng/ngày như thỏa thuận ghi trong hợp đồng.

Theo văn bản đề ngày 15/9/2021, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; đồng thời thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau:

1. Buộc anh Nguyễn Thanh N hoàn trả số tiền 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng) mà ông H đã thanh toán trước đó.

2. Buộc anh Nguyễn Thanh N phải bồi thường cho anh H số tiền do chậm thực hiện nghĩa vụ theo hình thức là phải trả lãi suất là 1,66%/tháng tính trên số tiền 240.000.000 đồng. Lãi được tính từ ngày 01/12/2020 đến khi xét xử sơ thẩm (ngày 24/9/2021) làm tròn là 9,5 tháng với số tiền là 37.848.000 đồng (ba mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn đồng).

3. Hủy hợp đồng gia công phà đề ngày 31/10/2020 giữa anh Nguyễn Hoàng H và anh Nguyễn Thanh N.

Ngoài ra, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Mun phải có nghĩa vụ liên đới với anh Nguyễn Thanh N trong việc thực hiện nghĩa vụ như đã nêu trên.

** Bị đơn anh Nguyễn Thanh N trình bày tại Tòa án cũng như tại văn bản đề ngày 23/9/2021 như sau:*

Anh thừa nhận có nhận gia công một chiếc phà sắt cho anh Nguyễn Hoàng H vào ngày 21/7/2020 nhưng hợp đồng gia công phà được ký vào ngày 31/10/2020, giá trị của hợp đồng là 217.000.000 đồng, anh đã nhận đủ tiền; đồng thời, anh có nhận thêm của anh H số tiền 23.000.000 đồng với mục đích đề gia công thêm một số thiết bị khác của chiếc phà. Tổng cộng anh đã nhận của anh H số tiền là 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng). Trong quá trình gia công phà do không thể gia công thêm thiết bị cho chiếc phà, anh đã báo cho anh H biết và đồng ý trả lại cho anh H số tiền 40.000.000 đồng nhưng đến nay chưa trả.

Trong hợp đồng gia công nêu trên, anh thừa nhận có thỏa thuận thời hạn giao phà là ngày 30/11/2020, nếu đến hạn mà chưa hoàn thành thì anh phải bồi thường số tiền 7.000.000 đồng/ngày. Mặc dù hai bên đã thỏa thuận thời hạn giao phà là ngày 30/11/2020 nhưng do giá nguyên liệu gia công (chủ yếu là sắt) tăng cao nên anh chỉ gia công được hơn $\frac{1}{2}$ khối lượng chiếc phà, phần còn lại anh vẫn chưa có nguyên liệu để tiếp tục gia công.

Nay giữa anh và nguyên đơn đã thỏa thuận và đi đến thống nhất hủy hợp đồng gia công nêu trên, anh đồng ý trả lại cho anh H số tiền đã nhận là 240.000.000 đồng và đồng ý bồi thường thiệt hại cho anh H theo mức lãi suất 1.66%/tháng kể từ ngày 01/12/2020 (ngày thỏa thuận giao phà) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/9/2021) với số tiền là 37.848.000 đồng theo yêu cầu của anh H, như vậy tổng cộng số tiền mà anh phải trả cho anh H là 277.848.000 đồng (hai trăm bảy mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

** Đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị M đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo kết quả phiên họp cùng các giấy triệu tập hợp lệ nhưng đều không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia các phiên hòa giải cũng như phiên tòa xét xử của Tòa án.*

** Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án Bản gốc Hợp đồng gia công phà đề ngày 31/10/2020. Bị đơn anh đã được Tòa án triệu tập để được tiếp cận, công khai chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp, anh N cũng thừa nhận chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp là đúng, đối với chứng cứ này thì bị đơn đã biết nên không yêu cầu sao chụp lại.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng gia công thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã PT, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại các phiên tòa ngày 06/8/2021, ngày 01/9/2021 và ngày 24/9/2021, bị đơn anh Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên tòa, riêng anh Nguyễn Thanh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; đối với người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt; do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và các bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo nội dung đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Thị M phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền 240.000.000 đồng và phải phải liên đới bồi thường thiệt hại số tiền do chậm thực hiện nghĩa vụ giao hàng tính từ ngày 30/11/2020 (ngày cam kết giao phà) đến khi xét xử vụ án. Tuy nhiên, nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị M, nguyên đơn xác định người có nghĩa vụ trong vụ án này chỉ có một mình anh Nguyễn Thanh N. Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị M là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về nội dung vụ án, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết hủy hợp đồng gia công đề ngày 31/10/2020 giữa anh Nguyễn Hoàng H và anh Nguyễn Thanh N, buộc anh Nguyễn Thanh N phải trả lại số tiền 240.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại số tiền 37.848.000 đồng do bị đơn đã chậm thực hiện nghĩa vụ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Giữa anh Nguyễn Hoàng H và anh Nguyễn Thanh N có thỏa thuận gia công một chiếc phà sắt, hai bên đều thừa nhận thời điểm thỏa thuận gia công phà là ngày 21/7/2020 (chỉ thỏa thuận bằng lời nói) nhưng đến ngày 31/10/2020 thì mới xác lập hợp đồng gia công bằng văn bản. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng gia công giữa hai bên đương sự là có thật.

[4.2] Hai bên đã thỏa thuận thời hạn giao sản phẩm là chiếc phà sắt vào ngày 30/11/2020; tuy nhiên, phía bị đơn là bên nhận gia công cho rằng do giá nguyên vật liệu (chủ yếu là sắt) dùng cho việc gia công đã tăng quá cao làm ảnh hưởng đến tiến độ gia công nên đến nay bị đơn vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ gia công như đã thỏa thuận. Phía nguyên đơn cho rằng đã nhiều lần đôn đốc,

nhắc nhở bị đơn đẩy nhanh tiến độ để giao phà theo đúng thỏa thuận nhưng đến nay bị đơn vẫn có tình không thực hiện. Nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng H nhận thấy việc bị đơn không thực hiện đúng theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng đã làm ảnh hưởng rất nhiều đến việc kinh doanh của mình nên đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy hợp đồng gia công đề ngày 31/10/2020 giữa anh và anh Nguyễn Thanh N; bị đơn anh Nguyễn Thanh N cũng cho rằng hiện tại anh chưa thể hoàn thành việc gia công phà cho anh H, anh là người vi phạm nghĩa vụ trước nên anh cũng đồng ý hủy hợp đồng gia công đề ngày 31/10/2020 theo yêu cầu của anh H. Việc anh H và anh N tự nguyện hủy hợp đồng gia công đề ngày 31/10/2020 là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp nên chấp nhận.

[4.3] Theo đơn khởi kiện, anh H yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền đã nhận là 240.000.000 đồng và yêu cầu bị đơn phải bồi thường thiệt hại do chậm thực hiện nghĩa vụ với số tiền là 7.000.000 đồng/ngày. Tuy nhiên, theo văn bản đề ngày 15/9/2021, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh Nguyễn Thanh N phải hoàn trả số tiền 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng) mà anh H đã thanh toán trước đó và bồi thường thiệt hại cho anh H số tiền do chậm thực hiện nghĩa vụ theo hình thức trả lãi suất là 1,66%/tháng (đối với số tiền 240.000.000 đồng) tính từ ngày 01/12/2020 (ngày vi phạm) đến ngày 24/9/2021 (ngày xét xử sơ thẩm) làm tròn là 9,5 tháng với số tiền là 37.848.000 đồng (ba mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn đồng). Anh Nguyễn Thanh N thừa nhận có nhận số tiền gia công của anh H là 240.000.000 đồng nhưng đến nay anh vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ gia công và giao sản phẩm cho anh H là đã vi phạm hợp đồng nên anh đồng ý trả lại cho anh H số tiền đã nhận là 240.000.000 đồng; đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại, anh cũng thừa nhận có thỏa thuận trong trường hợp anh chậm giao sản phẩm thì anh phải có nghĩa vụ bồi thường cho anh H với số tiền 7.000.000 đồng/ngày, nay anh H chỉ yêu cầu anh chỉ bồi thường thiệt hại theo mức lãi suất ngân hàng quy định là 1,66%/tháng với tổng số tiền là 37.848.000 đồng (ba mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn đồng), do đó anh cũng đồng ý bồi thường số tiền này theo yêu cầu của anh H. Xét thấy sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự là phù hợp nên chấp nhận.

[4.4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng H là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh Nguyễn Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 542, Điều 549, Điều 550 và Điều 551 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Hủy hợp đồng gia công đề ngày 31/10/2020 giữa anh Nguyễn Hoàng H và anh Nguyễn Thanh N.

- Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, anh Nguyễn Thanh N phải có nghĩa vụ trả lại cho anh Nguyễn Hoàng H số tiền đã nhận gia công là 240.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại cho anh H với số tiền là 37.848.000 đồng; như vậy, tổng số tiền mà anh N phải có trách nhiệm trả lại cho anh H là 277.848.000 đồng (hai trăm bảy mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị M phải cùng có trách nhiệm liên đới với anh Nguyễn Thanh N thực hiện nghĩa vụ đối với nguyên đơn.

3. Về án phí:

- Tiền án phí dân sự sơ thẩm là 13.892.400 đồng (mười ba triệu tám trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm đồng), buộc anh Nguyễn Thanh N phải chịu.

- Anh Nguyễn Hoàng H không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.400.000 đồng (bảy triệu bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012117 ngày 06/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

4. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cao Lãnh;
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục THADS huyện Cao Lãnh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Trường Chinh